

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức trích kinh phí, nội dung chi và mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông báo số 299/TB-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018, kết luận phiên họp tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 608/TTr-STC ngày 15/11/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức trích và tỷ lệ kinh phí dự phòng bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

1. Mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được trích 2% trên tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án.

Đối với các dự án, tiểu dự án thực hiện trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư;

dự án, tiểu dự án xây dựng công trình hạ tầng theo tuyến, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án theo khối lượng công việc thực tế và mức trích không khống chế tỷ lệ 2% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án.

2. Căn cứ mức trích kinh phí được trích cụ thể của từng dự án, tiểu dự án. Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng, Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán kinh phí dự phòng cho việc tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất (nếu có) bằng 10% kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp vào dự toán chung.

3. Tỷ lệ phân chia kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất (được trích 2% tổng số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án, tiểu dự án được quy thành 100%) như sau:

a) 15% (mười năm phần trăm) chi cho Hội đồng thẩm định để thực hiện nhiệm vụ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

b) 85% (tám mươi năm phần trăm) chi cho Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng, Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

1. Nội dung chi và mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính.

2. Nội dung chi và mức chi tổ chức thực hiện cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất: Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 4 và Điều 5 của Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính.

3. Các nội dung chi và mức chi chưa có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, thì mức chi cho mỗi phần công việc phải thực hiện như sau: Đối với người hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa không quá 100.000 đồng/người/ngày; người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tối đa không quá 200.000 đồng/người/ngày.

4. Các chi phí khác (nếu có) liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất tính theo thực tế trên cơ sở hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

Điều 3. Lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất:

Việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng

chế thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp:

1. Đối với những dự án, tiểu dự án đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo đúng quyết định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc những dự án, tiểu dự án đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường nhưng chưa chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày quyết định này có hiệu lực thì việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

2. Đối với những dự án, tiểu dự án đã lập xong dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và cưỡng chế kiểm đếm, cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo Quy định này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 12 năm 2018 và thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, về việc ban hành quy định về mức trích lập kinh phí và mức chi cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 6. Tổ chức thực hiện:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Như Điều 6 (Thực hiện);
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, KTN, CV: KTTH(3)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

